

Số: ~~379~~/BC-UBND

Hà Nội, ngày ~~03~~ tháng ~~10~~ năm 2024

BÁO CÁO

**Về việc giải trình, tiếp thu các nội dung tại Báo cáo thẩm tra
của Ban văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Công văn số 180/HĐND-VP ngày 19/9/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thời gian và bổ sung nội dung kỳ họp chuyên đề (kỳ họp thứ 18) của HĐND Thành phố.

Ngày 26/9/2024, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố có Báo cáo thẩm tra số 105/BC-VHXXH về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025 (Báo cáo thẩm tra số 105/BC-VHXXH).

UBND Thành phố kính báo cáo HĐND Thành phố về việc tiếp thu, giải trình các nội dung tại Báo cáo thẩm tra số 105/BC-VHXXH, cụ thể như sau:

1. Về nội dung trình

a) Ý kiến Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố

(1) Theo các tài liệu, báo cáo trong hồ sơ trình, Trường THCS Lê Lợi được công nhận trường công lập chất lượng cao từ tháng 7/2019 - tháng 7/2024, như vậy đến thời điểm hiện tại trường đã hết thời hạn công nhận trường chất lượng cao, chưa được đánh giá công nhận lại. Đề nghị rà soát làm rõ Trường THCS Lê Lợi có thuộc phạm vi, đối tượng của Nghị quyết?

(2) Trường THCS Chu Văn An - Long Biên được công nhận trường công lập chất lượng cao từ tháng 7/2022 - tháng 7/2027, hiện là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (dự kiến đến tháng 8/2025 tự chủ chi thường xuyên). Đề nghị làm rõ căn cứ, cơ sở đề xuất HĐND Thành phố phê duyệt mức thu học phí đối với trường THCS Chu Văn An - Long Biên; đề nghị rà soát, quy định phương thức xác định mức thu học phí phù hợp đối với trường?

(3) Tại Tờ trình số 255/TTr-UBND ngày 15/7/2024 của UBND Thành phố đề nghị Thường trực HĐND Thành phố chấp thuận chủ trương xây dựng Nghị quyết, trong đó đề xuất đối tượng phê duyệt mức thu học phí đối với 27 trường, gồm: 17 cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, 03 cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi

thường xuyên của thành phố Hà Nội; 01 cơ sở giáo dục trực thuộc Trường Đại học Thủ đô; 06 cơ sở giáo dục trực thuộc các Bộ, trường Đại học của Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố.

Tại Tờ trình số 306/TTr-UBND ngày 06/9/2024 của UBND Thành phố trình ban hành Nghị quyết gồm 19 trường, trong các đối tượng trình phê duyệt mức thu học phí không trình các cơ sở giáo dục: trường Tiểu học Vạn Bảo (Hà Đông); Trường Tiểu học và THCS Thăng Long (Trường Đại học Thủ đô Hà Nội); 06 cơ sở giáo dục phổ thông trực thuộc các Bộ, trường Đại học của Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố: trường Tiểu học THCS, THPT Thực nghiệm Khoa học Giáo dục (thuộc Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam); Trường THCS, THPT Nguyễn Tất Thành; Trường THPT chuyên Đại học Sư phạm (thuộc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội); Trường THPT Khoa học Giáo dục (thuộc Trường Đại học Quốc gia Hà Nội); Trường THCS-THPT Trần Quốc Tuấn (thuộc Học viện Khoa học Quân sự Bộ Quốc phòng); Trường THPT chuyên Ngoại ngữ (thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội). Đề nghị UBND Thành phố giải trình, làm rõ?

(4) Rà soát, làm rõ sự chênh lệch mức thu học phí năm học 2024-2025 so với năm học 2023-2024 và biên độ chênh lệch mức thu học phí giữa các cơ sở giáo dục đề xuất (tỷ lệ chênh lệch mức thu học phí giữa các cơ sở giáo dục tăng từ 0% - 10% so với năm học 2023-2024); làm rõ việc xác định học phí theo các khối lớp, các chương trình giáo dục?

b) Báo cáo, tiếp thu, giải trình của UBND Thành phố

- Đối với nội dung (1), UBND Thành phố báo cáo cụ thể, như sau: Ngày 25/3/2024, UBND quận Hà Đông đã có Tờ trình số 785/UBND-GDDT gửi UBND Thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo về việc đánh giá và đề xuất công nhận Trường THCS Lê Lợi chất lượng cao giai đoạn 2024-2028. Theo Quyết định số 2117/QĐ-SGDĐT ngày 28/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường THCS Lê Lợi đã đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3. UBND Thành phố đã ban hành quyết định công nhận lại đối với Trường THCS Lê Lợi (*Quyết định số 5206/QĐ-UBND ngày 03/10/2024*) để đơn vị tiếp tục là cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao giai đoạn 2024-2028. Để đảm bảo cơ sở pháp lý và kịp thời triển khai mức thu học phí ngay từ đầu năm học 2024-2025 đối với Trường THCS Lê Lợi cần thiết quy định mức thu học phí đối với nhà trường tại Nghị quyết này.

- Đối với nội dung (2), UBND Thành phố báo cáo giải trình cụ thể, như sau: Trường THCS Chu Văn An - Long Biên là trường chất lượng cao từ ngày 08/07/2022, theo quy định tại Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô (khoản 4 Điều 12 Luật Thủ đô), đến tháng 8/2025 Trường THCS Chu Văn An - Long Biên mới tự bảo đảm chi thường xuyên. Sau khi kiểm tra rà soát, UBND Thành phố đề nghị được điều chỉnh nội dung trong dự thảo Nghị quyết, cụ thể:

+ Điều chỉnh từ “*quy định mức học phí năm học 2024-2025*” thành “*phê duyệt mức trần học phí năm học 2024-2025 đối với Trường THCS Chu Văn An - Long Biên*”;

+ Mức trần học phí năm học 2024-2025 tiếp tục được kế thừa theo mức trần học phí đối với cấp học THCS năm học 2023-2024 đã được quy định tại Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố quy định mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô năm học 2023-2024;

+ Giao Hiệu trưởng Trường THCS Chu Văn An căn cứ trên cơ sở mức trần học phí, điều kiện kinh tế xã hội của địa bàn, cùng với cam kết thực hiện chất lượng giáo dục cao theo tiêu chí cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và kết quả kiểm định để quyết định mức thu học phí cụ thể (tỷ lệ tăng học phí không quá 10% so với năm học 2023-2024) sau khi có sự thống nhất bằng văn bản của Ủy ban nhân dân quận Long Biên (*chi tiết điều chỉnh tại dự thảo Nghị quyết*).

- Đối với nội dung (3), UBND Thành phố báo cáo cụ thể, như sau:

+ Trong quá trình dự thảo Nghị quyết, Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Ban Văn hóa xã hội HĐND Thành phố khảo sát các cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên trực thuộc các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội. Sau khi khảo sát các cơ sở giáo dục, ngày 11/9/2024, Sở Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 3110/SGDĐT-KHTC gửi UBND Thành phố về việc báo cáo các đơn vị chưa đủ điều kiện trình HĐND Thành phố phê duyệt mức thu học phí năm học 2024-2025 (Công văn số 3110/SGDĐT-KHTC). Theo đó tại Công văn số 3110/SGDĐT-KHTC đã nêu cụ thể chi tiết đối với 08 cơ sở giáo dục chưa đủ điều kiện trình HĐND Thành phố phê duyệt mức thu học phí năm học 2024-2025 tại kỳ họp chuyên đề tháng 9/2024 (kỳ họp thứ 18). UBND Thành phố sẽ chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan báo cáo trình mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục này khi đã đảm bảo đầy đủ các điều kiện theo quy định.

- Đối với nội dung (4), UBND Thành phố báo cáo giải trình cụ thể, như sau:

+ Thực tế hiện trạng về đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên; điều kiện về cơ sở vật chất; số lớp, số học sinh giữa các cơ sở giáo dục có sự chênh lệch, khác nhau. Do đó dẫn đến chi phí/học sinh (về tỷ trọng các nội dung chi tiền lương, hoạt động quản lý, hoạt động chuyên môn, sửa chữa cơ sở vật chất và chi tăng thu nhập, kinh phí tích lũy trong tổng chi phí dịch vụ giáo dục) của mỗi đơn vị có sự khác nhau, mỗi cơ sở giáo dục phải tính toán việc cân đối thu, chi đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của từng đơn vị và khả năng đóng góp của người học do vậy mức thu học phí giữa các trường có sự chênh lệch. Tại hồ sơ đề xuất mức thu học phí của các cơ sở giáo dục đã nêu chi tiết về nguyên tắc, cơ sở xây dựng định mức chi phí làm căn cứ xác định mức thu học phí năm học 2024-2025.

+ Năm học 2024-2025, một số đơn vị đề xuất giữ nguyên mức thu học phí như năm học 2023-2024 là do các đơn vị tiếp tục thực hiện theo cam kết giữa người học và nhà trường từ khi học sinh bắt đầu được tuyển sinh theo học tại nhà trường do vậy một số trường không tăng học phí.

+ Về nội dung làm rõ việc xác định học phí theo khối lớp, các chương trình giáo dục: Việc xác định học phí theo khối lớp, các chương trình giáo dục được tiếp tục kế thừa theo Đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; cam kết giữa người học và nhà trường từ khi bắt đầu tuyển sinh; thống nhất của cơ quan quản lý cấp trên về mức thu học phí năm học 2023-2024.

2. Về dự thảo Nghị quyết

a) Ý kiến Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố

(1) Về tên Nghị quyết, đề nghị sửa như sau: “*Nghị quyết phê duyệt mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025*”.

(2) Đề nghị bổ sung dự thảo Nghị quyết (tại điều khoản về tổ chức thực hiện) nội dung UBND Thành phố giao các cơ quan chuyên môn, các cơ sở giáo dục quy định tại Nghị quyết chịu trách nhiệm về tính khách quan, chính xác của các số liệu, tính toán trong hồ sơ trình.

b) Tiếp thu, giải trình của UBND Thành phố

UBND Thành phố xin tiếp thu hoàn chỉnh tại dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố.

3. Về nội dung đề nghị UBND Thành phố

a) Ý kiến Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố

(1) Bổ sung đánh giá tác động mức thu học phí của các cơ sở giáo dục theo đề xuất tại Tờ trình số 306/TTr-UBND ngày 06/9/2024 của UBND Thành phố năm học 2024-2025.

(2) Chỉ đạo rà soát các đối tượng quy định trong Nghị quyết đảm bảo đúng nguyên tắc, phù hợp các quy định của pháp luật; chỉ đạo rà soát các số liệu trong hồ sơ trình đảm bảo tính khách quan, chính xác.

(3) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiếp tục phối hợp, hướng dẫn các trường: Tiểu học Vạn Bảo (Hà Đông); Trường Tiểu học và THCS Thăng Long (Trường Đại học Thủ đô Hà Nội); 06 cơ sở giáo dục phổ thông trực thuộc các Bộ, trường Đại học của Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố: trường Tiểu học THCS, THPT Thực nghiệm Khoa học Giáo dục (thuộc Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam); Trường THCS, THPT Nguyễn Tất Thành; Trường THPT chuyên Đại học Sư phạm (thuộc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội); Trường THPT Khoa học Giáo dục (thuộc Trường Đại học Quốc gia Hà Nội); Trường THCS-THPT Trần Quốc Tuấn (thuộc Học viện Khoa học Quân sự Bộ Quốc phòng); Trường THPT chuyên

Ngoại ngữ (thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội) hoàn thiện hồ sơ, điều kiện trình HĐND Thành phố phê duyệt mức thu học phí theo quy định.

(4) Chỉ đạo xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, làm căn cứ xác định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên để trình mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo đảm bảo theo quy định.

(5) Chỉ đạo các trường công lập chất lượng cao cam kết đảm bảo chất lượng giáo dục tương xứng với mức thu học phí; xác định và công bố công khai mức thu học phí năm học 2024-2025 đến phụ huynh học sinh.

(6) Xem xét, rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số tiêu chí trường chất lượng cao quy định tại Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND và Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND của UBND Thành phố nhằm cập nhật quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, hướng dẫn của Bộ Giáo dục & Đào tạo, đồng thời phù hợp yêu cầu thực tiễn trong thực hiện xây dựng và phát triển trường chất lượng cao của Hà Nội.

b) Báo cáo, tiếp thu, giải trình của UBND Thành phố

- Đối với nội dung (1), UBND Thành phố báo cáo giải trình cụ thể, như sau:

+ Tác động đối với ngân sách nhà nước: Do học phí được thu từ người học nên không làm tăng thu ngân sách nhà nước.

+ Tác động đối với người học: Năm học 2024-2025, theo mức thu học phí đề xuất, tổng số thu học phí của 19 cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao dự kiến 548.747 triệu đồng trong đó: Các trường mầm non là 104.063 triệu đồng, các trường tiểu học là 97.142 triệu đồng, các trường trung học cơ sở là 209.577 triệu đồng, các trường trung học phổ thông là 137.965 triệu đồng. Dự kiến tăng thu từ người học so với năm học 2023-2024 khoảng 74.022 triệu đồng. Mức thu học phí đề xuất đã được lấy ý kiến của giáo viên, cha mẹ học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục, cụ thể: Số phiếu lấy ý kiến là 7.830 phiếu; số phiếu đồng ý là 7.290 phiếu đạt tỷ lệ 93,1%.

- Đối với nội dung (2), UBND Thành phố báo cáo giải trình cụ thể, như sau: Tiếp thu ý kiến Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố, sau khi rà soát về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc, số liệu đề xuất mức thu học phí; UBND Thành phố đề xuất điều chỉnh, bổ sung như sau:

(1) Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

Đề xuất **bỏ cụm từ** “không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đang thực hiện thí điểm đặt hàng giá dịch vụ giáo dục theo quy định tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ

sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội” **bằng cụm từ** “ không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đang thực hiện thí điểm đặt hàng giá dịch vụ giáo dục theo quy định của thành phố Hà Nội theo quy định của thành phố Hà Nội”

Ngoài ra, đối tượng áp dụng đề xuất **bỏ cụm từ** “Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục này” **bằng cụm từ** “Cơ sở giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục này”.

(2) Về nguyên tắc xác định mức thu học phí

Đề xuất bổ sung 02 nội dung vào nguyên tắc chung:

Tiếp tục kế thừa việc thực hiện xác định mức thu theo từng khối lớp và theo chương trình giáo dục đang thực hiện tại cơ sở giáo dục năm học 2023-2024.

Mức học phí thu từ người học năm học 2024-2025 không thấp hơn mức học phí người học đã đóng trong năm học 2023-2024.

Đề xuất bỏ nguyên tắc 6, do Trường THCS Chu Văn - Long Biên là cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao chưa tự bảo đảm chi thường xuyên, theo đó mức thu học phí cụ thể được xác định trên cơ sở mức trần học phí (kế thừa theo mức trần học phí đối với cấp học THCS năm học 2023-2024 đã được quy định tại Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố quy định mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô năm học 2023-2024).

(3) Về số liệu đề xuất mức thu học phí: Chi tiết điều chỉnh theo phụ lục gửi kèm theo.

- Đối với nội dung (3), UBND Thành phố báo cáo giải trình cụ thể, như sau:

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo: “b) Đối với cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên, cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Cơ sở giáo dục xây dựng mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, trình Ủy ban nhân dân để đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt”.

Như vậy khi cơ sở giáo dục công lập được cấp có thẩm quyền quyết định giao tự chủ về tài chính là **cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên, cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, các cơ sở giáo dục mới đủ điều kiện xây dựng mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí** trình HĐND Thành phố phê duyệt theo quy định.

Từ những quy định nêu trên, tiếp thu ý kiến của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố, UBND Thành phố sẽ chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai phối các đơn vị liên quan triển khai thực hiện theo quy định.

- Đối với nội dung (4), UBND Thành phố báo cáo giải trình cụ thể, như sau: Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang nghiên cứu sửa đổi Thông tư 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo; vì vậy sau khi có Thông tư mới, UBND Thành phố sẽ chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nội dung này theo đúng quy định.

- Đối với nội dung (5), UBND Thành phố tiếp thu cụ thể, như sau: UBND Thành phố sẽ chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các cơ sở giáo dục công lập nghiêm túc thực hiện công khai các nội dung về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy, kết quả kiểm định, cam kết các kết quả đầu ra để làm căn cứ đề xuất mức thu học phí; giúp cha mẹ học sinh nắm bắt thông tin để lựa chọn đăng ký nhập học trước khi nhà trường tuyển sinh đầu cấp. Cam kết đảm bảo chất lượng giáo dục tương xứng với mức thu học phí; xác định và công bố công khai mức thu học phí năm học 2024-2025 đến cha mẹ học sinh.

- Đối với nội dung (6), UBND Thành phố báo cáo giải trình cụ thể, như sau:

UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp các đơn vị liên quan, xin ý kiến Bộ Giáo dục và Đào tạo khẩn trương hoàn thiện hồ sơ trình UBND Thành phố ban hành văn bản thay thế Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND và Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND của UBND Thành phố nhằm cập nhật quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời phù hợp yêu cầu thực tiễn trong thực hiện xây dựng và phát triển trường chất lượng cao của Hà Nội.

Trên đây là một số nội dung báo cáo giải trình, tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết HĐND Thành phố theo ý kiến tại Báo cáo thẩm tra số 105/BC-VHXX của Ban Văn hóa - Xã hội.

(Kèm theo phụ lục và dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố)

UBND Thành phố kính đề nghị HĐND Thành phố xem xét, thông qua Nghị quyết./. *Cq*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Ban: VHXX, KTNS - HĐND Thành phố;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- VPUB: CVP, các Phó Chánh Văn phòng;
- Các phòng: KGVX, KTTH, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Thu Hà



**PHỤ LỤC 01: NGUYÊN TẮC ĐỀ XUẤT MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI
CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN,
CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO CỦA THÀNH PHỐ
HÀ NỘI THEO HÌNH THỨC HỌC TRỰC TIẾP**

(Kèm theo Báo cáo số ~~379~~379/BC-UBND ngày 03/10/2024 của UBND Thành phố)

1. Nguyên tắc chung

- Học phí của cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên được xác định là giá dịch vụ giáo dục và được xác định trên cơ sở xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP đối với cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên của thành phố Hà Nội: “Đối với cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên, cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Cơ sở giáo dục xây dựng mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, trình Ủy ban nhân dân để đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt”.

- Giá dịch vụ giáo dục của cơ sở giáo dục được xác định trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí đối với lương biên chế, lương hợp đồng và các khoản chi phí khác ngoài lương. Cơ cấu giá dịch vụ giáo dục được xác định theo chi phí khảo sát bình quân 3 năm liên kế (năm 2021, 2022 và 2023) của 02 cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên và 17 cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội là căn cứ để xác định giá dịch vụ giáo dục. Căn cứ theo lương biên chế, các khoản mục khác được xác định theo lương biên chế, từ đó tổng chi phí dịch vụ giáo dục được xác định và là căn cứ để xác định giá dịch vụ giáo dục.

- Tiếp tục kế thừa việc thực hiện xác định mức thu học phí theo từng khối lớp và theo chương trình giáo dục đang thực hiện tại cơ sở giáo dục năm học 2023-2024.

- Mức học phí thu từ người học năm học 2024-2025 không thấp hơn mức học phí người học thực tế đã nộp trong năm học 2023-2024.

2. Nguyên tắc cụ thể

- **Nguyên tắc 1:** Xác định các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đang thực hiện thí điểm đặt hàng giá dịch vụ giáo dục theo quy định tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội) và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội đạt kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn đánh giá cơ sở giáo dục quy định tại các Thông tư ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: số 17/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định về kiểm định

chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; số 18/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; số 19/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố: số 20/2013/QĐ-UBND ban hành quy định cụ thể các tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục chất lượng cao áp dụng tại một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao; số 21/2013/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định bổ sung chương trình giảng dạy nâng cao, ngoài chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông để áp dụng đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao.

- **Nguyên tắc 2:** Học phí là giá dịch vụ giáo dục của cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên và được thu từ người học. Học phí đảm bảo đủ chi cho dịch vụ giáo dục của các cơ sở giáo dục này.

- **Nguyên tắc 3:** Cơ cấu chi dịch vụ giáo dục được xác định trên cơ sở khảo sát mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm trước liền kề (năm 2021, 2022 và 2023). Trên cơ sở đó, xác định tỷ trọng các khoản mục lương biên chế và các khoản chi khác trong tổng chi dịch vụ giáo dục.

- **Nguyên tắc 4:** Xác định giá dịch vụ giáo dục tiêu chuẩn.

Giá dịch vụ tiêu chuẩn được xác định cho mục đích xác định giá dịch vụ giáo dục của cơ sở giáo dục công lập tự chủ chi thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, là giá dịch vụ tiêu chuẩn chưa bao gồm chi phí dạy tiếng Anh tăng cường và các câu lạc bộ khác ngoài giờ chính khóa.

Giá dịch vụ giáo dục tiêu chuẩn là giá dịch vụ giáo dục bình quân 3 năm liền kề (năm 2021, 2022, 2023). Giá dịch vụ tiêu chuẩn là giá dịch vụ giáo dục của khối lớp có mức thu học phí thấp so với các khối lớp khác.

+ Giá dịch vụ giáo dục của các lớp học dạy tiếng Anh tăng cường ngoài chương trình đào tạo chung của cơ sở giáo dục.

Giá dịch vụ giáo dục của các lớp học dạy tiếng Anh tăng cường = Giá dịch vụ giáo dục tiêu chuẩn + Chi phí dạy tiếng Anh tăng cường

Chi phí dạy tiếng Anh tăng cường xác định theo chi phí thực tế trên cơ sở thỏa thuận giữa nhà trường và đơn vị cung cấp dịch vụ đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ *Giá dịch vụ giáo dục của các khối lớp khác:*

Giá dịch vụ tiêu chuẩn = Giá dịch vụ giáo dục của khối lớp có mức thu học phí thấp nhất so với các khối lớp khác.

Giá dịch vụ giáo dục của khối lớp khác = Giá dịch vụ giáo dục tiêu chuẩn + Chênh lệch mức thu học phí của năm học trước liền kề giữa các khối lớp khác so với khối lớp có giá dịch vụ tiêu chuẩn.

- **Nguyên tắc 5:** Giá dịch vụ giáo dục được xác định trên cơ sở các khoản mục cấu thành giá theo định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí. Theo đó: lương biên chế và các khoản mục khác được xác định theo định mức chi phí trên cơ sở tỷ trọng của từng khoản mục so với lương biên chế.

Lương biên chế được xác định theo hệ số lương, các khoản phụ cấp khác theo bảng lương và lương cơ bản. Lương biên chế sẽ được bổ sung khi lương cơ bản thay đổi.

Lương cơ bản được áp dụng là 2.340.000 đồng/tháng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang từ ngày 1/7/2024. Theo đó, giá dịch vụ giáo dục được bổ sung tiền lương biên chế khi mức lương cơ bản tăng từ 1.800.000 đồng/tháng lên 2.340.000 đồng/tháng.

Lương biên chế bổ sung = Lương biên chế bình quân năm trước x (2.340.000 - 1.800.000)/1.800.000

Như vậy, chi phí dịch vụ giáo dục được xác định như sau

Học phí = Lương biên chế (1+ tỷ lệ điều chỉnh lương cơ bản) + Khoản mục chi phí khác ngoài lương biên chế

+ *Nếu giá dịch vụ giáo dục của các khối lớp được xác định cao hơn mức thu học phí đề xuất của cơ sở giáo dục thì giá dịch vụ giáo dục của các khối lớp này bằng mức thu đề xuất của cơ sở giáo dục.*

+ *Nếu giá dịch vụ giáo dục của các khối lớp được xác định theo định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí thấp hơn mức thu học phí đề xuất của cơ sở giáo dục thì giá dịch vụ giáo dục của các khối lớp này bằng mức thu học phí được xác định theo định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí.*

**PHỤ LỤC 02: MỨC THU HỌC PHÍ ĐỀ XUẤT NĂM HỌC 2024-2025 ĐỐI VỚI
CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP
TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN; CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON,
GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO
CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Báo cáo số **379**/BC-UBND ngày **03/10**/2024 của UBND Thành phố)

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng

TT	Tên đơn vị	Mức thu học phí năm học 2023-2024	Mức thu/Mức trần học phí đề xuất năm học 2024-2025	Tỷ lệ mức thu học phí đề xuất năm học 2024-2025 và mức thu học phí năm học 2023-2024	Ghi chú
I	Mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên				
1	Trường Mầm non đô thị Sài Đồng				
1.1	Nhà trẻ (từ 12 tháng đến dưới 18 tháng)	5.100.000	5.100.000	0%	
1.2	Nhà trẻ (từ 18 tháng đến dưới 36 tháng)	3.950.000	4.300.000	9%	
1.3	Mẫu giáo	3.950.000	4.300.000	9%	
2	Trường Mầm non 20-10				
2.1	Nhà trẻ	4.945.000	5.100.000	3%	
2.2	Mẫu giáo	4.945.000	5.100.000	3%	
3	Trường Mầm non đô thị Việt Hưng				
3.1	Nhà trẻ	3.550.000	3.800.000	7%	
3.2	Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)	3.550.000	3.800.000	7%	
3.3	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)	4.850.000	5.100.000	5%	
4	Trường Mầm non Việt Bun				
4.1	Nhà trẻ	3.640.000	3.850.000	6%	
4.2	Mẫu giáo	3.440.000	3.650.000	6%	
5	Trường Mầm non B				
5.1	Nhà trẻ (từ 18 tháng đến dưới 24 tháng)	4.500.000	4.500.000	0%	
5.2	Nhà trẻ (từ 24 tháng đến 36 tháng)	4.000.000	4.300.000	8%	
5.3	Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)	3.000.000	3.300.000	10%	

TT	Tên đơn vị	Mức thu học phí năm học 2023-2024	Mức thu/Mức trần học phí đề xuất năm học 2024-2025	Tỷ lệ mức thu học phí đề xuất năm học 2024-2025 và mức thu học phí năm học 2023-2024	Ghi chú
5.4	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)	4.500.000	4.800.000	7%	
6	<i>Trường Mầm non Việt Triều Hữu nghị</i>				
6.1	Nhà trẻ (từ 18 tháng đến dưới 24 tháng)	5.100.000	5.100.000	0%	
6.2	Nhà trẻ (từ 24 tháng đến 36 tháng)	4.300.000	4.300.000	0%	
6.3	Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)	4.300.000	4.300.000	0%	
6.4	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)	5.100.000	5.100.000	0%	
7	<i>Trường Mầm non Mai Dịch</i>				
7.1	Nhà trẻ (từ 18 tháng đến dưới 24 tháng)	3.700.000	4.000.000	8%	
7.2	Nhà trẻ (từ 24 tháng đến 36 tháng)	3.500.000	3.800.000	9%	
7.3	Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)	3.700.000	4.000.000	8%	
7.4	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)	4.300.000	4.600.000	7%	
8	<i>Trường Mầm non Linh Đàm</i>				
8.1	Nhà trẻ	2.500.000	2.500.000	0%	
8.2	Mẫu giáo	2.200.000	2.400.000	9%	
9	<i>Trường Tiểu học Nam Từ Liêm</i>				
9.1	Khối 1	4.450.000	4.650.000	4%	
9.2	Khối 2	4.450.000	4.650.000	4%	
9.3	Khối 3	4.450.000	4.650.000	4%	
9.4	Khối 4	4.450.000	4.650.000	4%	
9.5	Khối 5	4.450.000	4.450.000	0%	
10	<i>Trường Tiểu học đô thị Sài Đồng</i>				
10.1	Khối 1	4.800.000	5.000.000	4%	
10.2	Khối 2	4.500.000	4.800.000	7%	
10.3	Khối 3	4.500.000	4.500.000	0%	
10.4	Khối 4	4.100.000	4.500.000	10%	
10.5	Khối 5	4.100.000	4.350.000	6%	

TT	Tên đơn vị	Mức thu học phí năm học 2023-2024	Mức thu/Mức trần học phí đề xuất năm học 2024-2025	Tỷ lệ mức thu học phí đề xuất năm học 2024-2025 và mức thu học phí năm học 2023-2024	Ghi chú
11	<i>Trường Tiểu học Tràng An</i>				
11.1	Khối 1	3.500.000	3.700.000	6%	
11.2	Khối 2	3.500.000	3.700.000	6%	
11.3	Khối 3	3.500.000	3.700.000	6%	
11.4	Khối 4	3.500.000	3.700.000	6%	
11.5	Khối 5	3.500.000	3.500.000	0%	
12	<i>Trường THCS Nam Từ Liêm</i>				
12.1	Khối 6	3.655.000	4.020.000	10%	
12.2	Khối 7	3.655.000	4.020.000	10%	
12.3	Khối 8	3.655.000	4.020.000	10%	
12.4	Khối 9	3.655.000	4.020.000	10%	
13	<i>Trường THCS Cầu Giấy</i>				
13.1	Khối 6	3.010.000	3.300.000	10%	
13.2	Khối 7	3.010.000	3.300.000	10%	
13.3	Khối 8	3.010.000	3.300.000	10%	
13.4	Khối 9	3.010.000	3.300.000	10%	
14	<i>Trường THCS Thanh Xuân</i>				
14.1	Khối 6	3.900.000	4.000.000	3%	
14.2	Khối 7	3.900.000	4.000.000	3%	
14.3	Khối 8	3.800.000	4.000.000	5%	
14.4	Khối 9	3.500.000	3.700.000	6%	
15	<i>Trường THCS Lê Lợi</i>				
15.1	Khối 6	3.750.000	4.050.000	8%	
15.2	Khối 7	3.750.000	4.050.000	8%	
15.3	Khối 8	3.750.000	4.050.000	8%	
15.4	Khối 9	3.750.000	4.050.000	8%	

TT	Tên đơn vị	Mức thu học phí năm học 2023-2024	Mức thu/Mức trần học phí đề xuất năm học 2024-2025	Tỷ lệ mức thu học phí đề xuất năm học 2024-2025 và mức thu học phí năm học 2023-2024	Ghi chú
16	<i>Trường THPT Phan Huy Chú - Đống Đa</i>				
16.1	Khối 10	6.100.000	6.100.000	0%	
16.2	Khối 11	6.100.000	6.100.000	0%	
16.3	Khối 12	6.100.000	6.100.000	0%	
17	<i>Trường THPT Lê Lợi</i>				
17.1	Lớp không học tăng cường tiếng Anh	2.750.000	3.000.000	9%	
17.2	Lớp học tăng cường tiếng Anh	3.650.000	3.900.000	7%	
18	<i>Trường THPT Hoàng Cầu</i>				
18.1	Khối 10	1.670.000	1.810.000	8%	
18.2	Khối 11	1.670.000	1.810.000	8%	
18.3	Khối 12	1.830.000	1.970.000	8%	
II	Mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao chưa tự bảo đảm chi thường xuyên				
19	<i>Trường THCS Chu Văn An</i>	3.900.000	5.300.000		

Số: /2024/NQ-HĐND
Dự thảo

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 21 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 306/TTr-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025; Báo cáo thẩm tra số 105/BC-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số .../BC-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này phê duyệt mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025, gồm:

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đang thực hiện thí điểm đặt hàng giá dịch vụ giáo dục theo quy định của thành phố Hà Nội);

b) Các cơ sở giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đang thực hiện thí điểm đặt hàng giá dịch vụ giáo dục theo quy định của thành phố Hà Nội) và trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục này.

b) Các cơ sở giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục này.

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan trong việc thi hành Nghị quyết.

Điều 2. Phê duyệt mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025

1. Mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp: Chi tiết tại Phụ lục số 01, 02 kèm theo.

2. Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến: bằng 75% mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp và được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

Điều 3. Quy định áp dụng mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng.

Đối với các tháng đồng thời áp dụng cả hai hình thức học trực tiếp và trực tuyến: Căn cứ thời gian học tập của học sinh tại đơn vị để áp dụng mức thu học phí của tháng đó, trường hợp thời gian học tập theo hình thức học trực tiếp từ 14 ngày trở lên thì thực hiện thu theo hình thức học trực tiếp; trường hợp thời gian học tập theo hình thức học trực tuyến từ 14 ngày trở lên thì thực hiện thu theo hình thức học trực tuyến (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) và mức thu học phí tương ứng đã được quy định.

Thời gian thu học phí thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025.

b) Trình Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt mức thu học phí các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.

c) Giao các cơ quan chuyên môn chỉ đạo các cơ sở giáo dục quy định tại Nghị quyết, chịu trách nhiệm về tính khách quan, chính xác của các số liệu, tính toán trong hồ sơ trình.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày ... tháng ... năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam Thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP TU, các Ban Đảng Thành ủy;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND TP; UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố, Cổng GTĐT Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

**PHỤ LỤC 01: Mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non,
giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên
của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày / /2024
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

Đơn vị: Đồng/học sinh/tháng

STT	Tên đơn vị	Mức thu học phí năm học 2024-2025
1	Trường Mầm non đô thị Sài Đồng	
1.1	Nhà trẻ (từ 12 tháng đến dưới 18 tháng tuổi)	5.100.000
1.2	Nhà trẻ (từ 18 tháng đến dưới 36 tháng tuổi)	4.300.000
1.3	Mẫu giáo	4.300.000
2	Trường Mầm non 20-10	
2.1	Nhà trẻ	5.100.000
2.2	Mẫu giáo	5.100.000
3	Trường Mầm non đô thị Việt Hưng	
3.1	Nhà trẻ	3.800.000
3.2	Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)	3.800.000
3.3	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)	5.100.000
4	Trường Mầm non Việt Bun	
4.1	Nhà trẻ	3.850.000
4.2	Mẫu giáo	3.650.000
5	Trường Mầm non B	
5.1	Nhà trẻ (từ 18 tháng đến dưới 24 tháng tuổi)	4.500.000
5.2	Nhà trẻ (từ 24 tháng đến 36 tháng tuổi)	4.300.000
5.3	Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)	3.300.000
5.4	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)	4.800.000
6	Trường Mầm non Việt Triều Hữu nghị	
6.1	Nhà trẻ (từ 18 tháng đến dưới 24 tháng tuổi)	5.100.000
6.2	Nhà trẻ (từ 24 tháng đến 36 tháng tuổi)	4.300.000
6.3	Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)	4.300.000
6.4	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)	5.100.000

STT	Tên đơn vị	Mức thu học phí năm học 2024-2025
7	Trường Mầm non Mai Dịch	
7.1	Nhà trẻ (từ 18 tháng đến dưới 24 tháng tuổi)	4.000.000
7.2	Nhà trẻ (từ 24 tháng đến 36 tháng tuổi)	3.800.000
7.3	Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)	4.000.000
7.4	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)	4.600.000
8	Trường Mầm non Linh Đàm	
8.1	Nhà trẻ	2.500.000
8.2	Mẫu giáo	2.400.000
9	Trường Tiểu học Nam Từ Liêm	
9.1	Khối 1	4.650.000
9.2	Khối 2	4.650.000
9.3	Khối 3	4.650.000
9.4	Khối 4	4.650.000
9.5	Khối 5	4.450.000
10	Trường Tiểu học đô thị Sài Đồng	
10.1	Khối 1	5.000.000
10.2	Khối 2	4.800.000
10.3	Khối 3	4.500.000
10.4	Khối 4	4.500.000
10.5	Khối 5	4.350.000
11	Trường Tiểu học Tràng An	
11.1	Khối 1	3.700.000
11.2	Khối 2	3.700.000
11.3	Khối 3	3.700.000
11.4	Khối 4	3.700.000
11.5	Khối 5	3.500.000
12	Trường Trung học cơ sở Nam Từ Liêm	
12.1	Khối 6	4.020.000
12.2	Khối 7	4.020.000
12.3	Khối 8	4.020.000
12.4	Khối 9	4.020.000

STT	Tên đơn vị	Mức thu học phí năm học 2024-2025
13	Trường Trung học cơ sở Cầu Giấy	
13.1	Khối 6	3.300.000
13.2	Khối 7	3.300.000
13.3	Khối 8	3.300.000
13.4	Khối 9	3.300.000
14	Trường Trung học cơ sở Thanh Xuân	
14.1	Khối 6	4.000.000
14.2	Khối 7	4.000.000
14.3	Khối 8	4.000.000
14.4	Khối 9	3.700.000
15	Trường Trung học cơ sở Lê Lợi	
15.1	Khối 6	4.050.000
15.2	Khối 7	4.050.000
15.3	Khối 8	4.050.000
15.4	Khối 9	4.050.000
16	Trường Trung học phổ thông Phan Huy Chú - Đống Đa	
16.1	Khối 10	6.100.000
16.2	Khối 11	6.100.000
16.3	Khối 12	6.100.000
17	Trường Trung học phổ thông Lê Lợi	
17.1	Lớp không học tăng cường tiếng Anh	3.000.000
17.2	Lớp học tăng cường tiếng Anh	3.900.000
18	Trường Trung học phổ thông Hoàng Cầu	
18.1	Khối 10	1.810.000
18.2	Khối 11	1.810.000
18.3	Khối 12	1.970.000

PHỤ LỤC 02: Mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao chưa tự bảo đảm chi thường xuyên của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025

(Kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày / /2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Đồng/học sinh/tháng

STT	Tên đơn vị	Mức trần học phí năm học 2024-2025
1	Trường Trung học cơ sở Chu Văn An	5.300.000

Ghi chú: Trên cơ sở mức trần học phí, Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Chu Văn An căn cứ vào điều kiện kinh tế xã hội của địa bàn, cùng với cam kết thực hiện chất lượng giáo dục cao theo tiêu chí cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và kết quả kiểm định để quyết định mức thu học phí cụ thể (tỷ lệ tăng học phí so với năm học 2023-2024 không quá 10%) sau khi có sự thống nhất bằng văn bản của Ủy ban nhân dân quận Long Biên./.